

Số: /GPMT-SNNMT

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày tháng năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 24/2025/QĐ-UBND ngày 01 tháng 3 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;

Căn cứ Quyết định số 1316/QĐ-UBND ngày 13 tháng 5 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc ủy quyền cho Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn về bảo vệ môi trường thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Xét văn bản số 35/2025/CVGT-BVMT đề ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Công ty Cổ phần Hưng Thái Holdings đề nghị cấp giấy phép môi trường của cơ sở ICD Hưng Thái (giai đoạn 1) tại phường Phước Hòa, thành phố Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần Hưng Thái Holdings được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở ICD Hưng Thái (giai đoạn 1) tại phường Phước Hòa, thành phố Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở

1.1. Tên cơ sở: ICD Hưng Thái (giai đoạn 1).

1.2. Địa điểm hoạt động: Phường Phước Hòa, thành phố Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần mã số doanh nghiệp 3500798008 (đăng ký lần đầu ngày 22 tháng 5 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 21 ngày 18 tháng 11 năm 2020). Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 4383361466 (đăng ký lần đầu ngày 07 tháng 7 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 21 tháng 5 năm 2018); Quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư số 289/QĐ-UBND ngày 11 tháng 02 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Công văn số 17100/UBND-VP ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và Công văn số 2594/SKHĐT-ĐT ngày 09 tháng 8 năm 2021 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án ICD Hưng Thái của Công ty Cổ phần Hưng Thái Holdings.

1.4. Mã số thuế: 3500798008.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Cảng thủy nội địa - hậu cần, cơ khí cho dịch vụ hàng hải.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở

- Cơ sở có tiêu chí như dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Cơ sở có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Phụ lục IV Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP.

- Tổng diện tích đất của cơ sở: Tổng diện tích sử dụng đất của cơ sở cho giai đoạn 1 là 72.651,1 m² (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 878449 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 01 tháng 10 năm 2009 theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu).

- Phạm vi, quy mô cấp giấy phép môi trường: Giai đoạn 1 của cơ sở: Cầu cảng thủy nội địa; kho ngoại quan; kho bảo thuế; kho đóng hàng lẻ; bãi hàng container; kho hậu cần phục vụ dầu khí hàng hải; kho xăng dầu - bãi xuất xăng dầu; bãi đậu xe (theo Quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư số 289/QĐ-UBND ngày 11 tháng 02 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu); phạm vi cấp giấy phép môi trường này không bao gồm các hoạt động nạo vét duy tu của cơ sở.

(Các thông tin về cơ sở nêu trên căn cứ theo nội dung mô tả trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở; Chủ cơ sở chịu trách nhiệm về những thông tin, số liệu đã nêu trong báo cáo này; thực hiện tuân thủ các quy định pháp luật có liên quan.)

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần Hưng Thái Holdings

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Hưng Thái Holdings có trách nhiệm

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm.

(từ ngày tháng năm 2025 đến ngày tháng năm 2035)

(Giấy phép môi trường là căn cứ để thực hiện hoạt động quy định tại khoản 4 Điều 42 Luật Bảo vệ môi trường)

Điều 4. Giao Phòng Quản lý môi trường, Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Phú Mỹ tham mưu tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Cty CP Hưng Thái Holdings;
 - Bộ NN&MT (b/c);
 - UBND tỉnh (b/c);
 - Giám đốc và các PGĐ Sở (b/c);
 - Các Sở: XD, TC;
 - Công an tỉnh;
 - UBND thành phố Phú Mỹ;
 - Phòng TNMT thành phố Phú Mỹ;
 - Trung tâm phục vụ hành chính công;
 - Trung tâm CNTT TN&MT
- (đăng trên cổng thông tin điện tử của Sở);*
- Lưu: VT, QLMT(Q).02.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Phạm Quốc Đăng

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số ... /GPMT-SNNMT ngày .. tháng .. năm 2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ quá trình sinh hoạt của công nhân viên tại cơ sở.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: hệ thống thoát nước chung của khu vực trên đường 965 tại phường Phước Hòa, thành phố Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

2.2. Vị trí xả nước thải

- Địa chỉ: phường Phước Hòa, thành phố Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Tọa độ vị trí xả nước thải: 01 vị trí tại hố ga đầu nối trên đường 965 có tọa độ (theo VN2000, kinh tuyến trực $107^{\circ}45'$, múi chiều 3°): X = 1162885,57; Y = 420016,35 (Công văn số 6650/SXD-PTĐT&HTKT ngày 19/11/2024 của Sở Xây dựng).

- Điểm xả nước thải sau xử lý phải có biển báo, ký hiệu rõ ràng, thuận tiện cho việc kiểm tra, giám sát xả thải.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $30 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

2.3.1. Phương thức xả nước thải

Nước thải sau xử lý → Đường ống thoát nước thải → Hệ thống thoát nước chung của khu vực trên đường 965.

Phương thức xả thải: Bơm ra nguồn tiếp nhận.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: liên tục (24 giờ), xả liên tục trong năm.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (Cột A, K=1), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5-9		
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	30		
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	50		

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	500	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	1		
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	5		
7	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/l	30		
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	10		
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	5		
10	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	6		
11	Tổng Coliforms	MPN/100ml	3.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

Mạng lưới thu gom nước thải và nước mưa sạch được tách biệt với nhau.

Nước thải sinh hoạt phát sinh được thu gom bằng hệ thống đường ống PVC dẫn về bể tự hoại để xử lý sơ bộ sau đó được dẫn về HTXLNT công suất 30 m³/ngày đêm để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt → Bể gom + tách dầu → Bể điều hòa → Bể thiếu khí Anoxic → Bể hiếu khí → Bể màng MBR → Bể khử trùng → Hồ ga quan trắc nước thải → Nguồn tiếp nhận (hệ thống thoát nước chung trên đường 965).

- Công suất thiết kế: 30 m³/ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Hóa chất khử trùng Chlorine.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

1.4.1. Công trình ứng phó sự cố: Không.

1.4.2. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố tại hệ thống xử lý nước thải

a) Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Thường xuyên theo dõi và kiểm tra chất lượng nước đầu ra của hệ thống xử lý nước thải, bảo đảm nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn quy định.
- Thường xuyên theo dõi hoạt động của các máy móc xử lý, tình trạng hoạt động của các bể xử lý để có biện pháp khắc phục kịp thời.
- Các máy móc, thiết bị đều có dự phòng đề phòng trường hợp hư hỏng cần sửa chữa như: máy bơm, máy thổi khí...
- Bố trí nhân viên kỹ thuật vận hành hệ thống xử lý nước thải và ghi chép vào sổ nhật ký vận hành hàng ngày.
- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ hệ thống xử lý nước thải.
- Trường hợp có sự cố lớn, có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường phải lập tức thông báo tới cơ quan quản lý nhà nước về môi trường để có biện pháp khắc phục kịp thời.

b) Quy trình phòng ngừa, ứng phó sự cố

Khi phát hiện nước thải sau xử lý vượt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường. Nhân viên vận hành khóa van xả thải và mở van sự cố để dẫn nước thải không đạt quy chuẩn về các bể thu gom + tách dầu, bể điều hòa của Hệ thống xử lý với tổng dung tích 22,7 m³ để lưu chứa tạm thời khoảng 24 giờ. Đồng thời, thông báo cho bộ phận quản lý biết để điều tra nguyên nhân và khắc phục sự cố, bao gồm các hoạt động:

- Tạm thời thông báo ngừng sử dụng nước tại một số khu vực không cần thiết có phát sinh nước thải cho đến khi hệ thống được khắc phục.
- Tiến hành kiểm tra hệ thống để xác định nguyên nhân; kiểm tra hệ thống bơm định lượng hóa chất.
- Tiến hành sửa chữa, thay thế nếu phát hiện hư hỏng thiết bị.
- Thực hiện kiểm tra chất lượng nước thải đầu vào bằng các bộ test nhanh để phát hiện các chỉ tiêu ô nhiễm cao bất thường. Khi phát hiện sự cố do nước thải đầu vào có nồng độ các chất ô nhiễm cao, tiến hành các bước sau:
 - + Dựa trên kết quả phân tích để điều chỉnh chế độ vận hành, thời gian lưu nước và liều lượng hóa chất phù hợp với chất lượng nước thải đầu vào.
 - + Kiểm tra hoạt động của hệ vi sinh trong các bể xử lý sinh học.
 - + Lấy mẫu nước thải sau từng công đoạn xử lý của Hệ thống xử lý nước thải để kiểm tra hiệu quả xử lý của từng công đoạn và chất lượng nước thải sau xử lý cho tới khi khắc phục xong sự cố.
- Sau khi hệ thống xử lý nước thải hoạt động ổn định trở lại. Nước thải được bơm trở về lại bể điều hòa để tiếp tục xử lý. Tiến hành vận hành ổn định hệ thống và tiến hành lấy mẫu, phân tích chất lượng nước thải đầu ra sau hệ thống xử lý nước thải đạt quy chuẩn xả thải mới tiến hành xả thải ra môi trường. Định kỳ kiểm tra chất lượng nước thải đầu ra của hệ thống. Chỉ xả nước thải sau xử lý ra nguồn tiếp nhận khi đạt Quy chuẩn QCVN 14:2008/BTNMT (Cột A, K=1).

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm

Thời gian vận hành thử nghiệm không quá 06 tháng kể từ ngày được cấp giấy phép môi trường.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm

Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 30 m³/ngày.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu

- Đầu vào: Tại bể thu gom hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt.
- Đầu ra: Theo vị trí xả nước thải được cấp phép tại Phần A Phụ lục này.
- Thông số quan trắc: *Lưu lượng* và tất cả các thông số nêu ở bảng tại mục 2.2.2 sau đây.

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép
1	pH	-	5-9
2	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	30
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	50
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	500
5	Sulfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	1
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	5
7	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/l	30
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	10
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	5
10	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	6
11	Tổng Coliforms	MPN/100ml	3.000

2.3. Tần suất lấy mẫu: Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT và khoản 8 Điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT, cụ thể: Quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải (01 mẫu nước thải đầu vào và 03 mẫu nước thải đầu ra).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đầu nối và vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa, nước thải bảo đảm các yêu cầu về tiêu thoát nước và các điều kiện vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành cơ sở.

3.3. Bảo đảm bố trí đủ kinh phí, nhân lực, thiết bị, hóa chất,... vận hành tốt nhất các công trình thu gom, xử lý và xả nước thải của cơ sở; có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

3.4. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7, khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP.

3.5. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc nước thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải gửi Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu trước thời điểm kết thúc vận hành thử nghiệm 20 ngày.

3.6. Chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

Phụ lục 2
CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số ... /GPMT-SNNMT ngày .. tháng .. năm 2025
của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu)*

1. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn và độ rung phải được kiểm soát, giảm thiểu bảo đảm đáp ứng yêu cầu theo quy định tại QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

2. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Biện pháp kỹ thuật khi lắp đặt: xây dựng phòng đặt máy hợp lý, nền móng đặt máy phải được gia cố bằng bê tông có chất lượng cao; lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su, lò xo giảm chấn,... Ngoài ra, các phòng đặt thiết bị gây ồn cần ốp, lót các vật liệu có khả năng hấp thụ tốt âm thanh.
- Biện pháp quản lý và bảo trì: các máy phát điện phải được kiểm tra và hiệu chỉnh trước khi sử dụng, bảo trì định kỳ và tra dầu mỡ để hạn chế tiếng ồn.
- Trồng nhiều cây xanh xung quanh khu vực cơ sở và khu vực phát sinh tiếng ồn.

Phụ lục 3**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số ... /GPMT-SNNMT ngày .. tháng .. năm 2025
của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh****1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên**

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Giẻ lau nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	350
2	Hộp mực in thải	Rắn	08 02 04	26
3	Bao bì mềm thải	Rắn	18 01 01	276
4	Bao bì nhựa cứng thải	Rắn	18 01 03	88
5	Dầu nhớt thải	Lỏng	17 02 04	6.300
6	Bóng đèn huỳnh quang hoặc các loại thủy tinh hoạt tính thải khác	Rắn	16 01 06	100
Tổng số lượng				7.140

**1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh
thường xuyên**

TT	Loại chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)
1	Pallet gỗ	Rắn	400
2	Pallet nhựa	Rắn	400
3	Bao bì mềm thải (không chứa thành phần nguy hại)	Rắn	200
4	Thùng nhựa cứng hư hỏng (không chứa thành phần nguy hại)	Rắn	400
5	Hàng nông sản rơi vãi (hạt bắp, ngô, lúa,...)	Rắn	6.500
6	Than rơi vãi	Rắn	1.000
Tổng khối lượng			8.900

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

TT	Tên chất thải	Số lượng trung bình (tấn/năm)
1	Rác thải sinh hoạt	46,8
	Tổng cộng	46,8

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa

Thiết bị lưu chứa: Đối với các loại chất thải nguy hại phát sinh được phân loại, lưu trữ tại 06 thùng chứa chất thải loại 125 lít.

2.1.2. Kho lưu chứa chất thải nguy hại

Khu lưu chứa: 01 kho diện tích 15m².

Thiết kế, cấu tạo của khu lưu chứa: Khu vực lưu chứa có mái che, vách bằng kim loại, nền bằng kim loại, có rãnh thu nước, có gờ chống tràn. Trên mỗi thùng chứa được dán tên, hình đồ cảnh báo, khu lưu chứa chất thải đã được trang bị bình chữa cháy cầm tay và thùng cát để phòng ngừa sự cố cháy nổ, tràn đổ mã chất thải. Trong kho bố trí rãnh và hố thu gom để phòng ngừa sự cố tràn đổ chất thải dạng lỏng.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

2.2.1. Thiết bị lưu chứa

Thiết bị lưu chứa: các thùng chứa bằng nhựa hoặc bằng kim loại, bao chứa bằng nhựa hoặc bằng vải.

2.2.2. Khu vực lưu chứa

Khu lưu chứa: 02 khu diện tích mỗi khu 20m².

Thiết kế, cấu tạo của khu: Khu lưu chứa được xây bằng tường gạch, mái tôn, nền đổ bê tông chống thấm, cao hơn mặt đường. Bên ngoài có biển báo ghi chú khu vực lưu giữ chất thải công nghiệp thông thường.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: 05 thùng chứa chất thải sinh hoạt loại 125 lít và 10 thùng chứa loại 25 lít, thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn theo quy định.

2.3.2. Khu vực tập trung rác:

Kho lưu chứa: Không bố trí.

Biện pháp quản lý: Toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt sẽ được lưu giữ tạm thời tại các thùng chứa sau đó sẽ chuyển giao cho đơn vị có đủ chức năng để xử lý theo đúng quy định.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Xây dựng, thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố theo quy định pháp luật.
- Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại phải trang bị các dụng cụ, thiết bị, vật liệu theo đúng quy định.
- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.
- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Phụ lục 4

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số ... /GPMT-SNNMT ngày .. tháng .. năm 2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ/CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Đã hoàn thành các hạng mục công trình phục vụ cho giai đoạn 1 của cơ sở.

Các hạng mục công trình cho giai đoạn 2 cần tiếp tục đầu tư theo nội dung Quyết định số 4923/QĐ-UBND ngày 24/12/2021 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án ICD Hưng Thái tại phường Phước Hòa, thành phố Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (phù hợp với Quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư số 289/QĐ-UBND ngày 11/02/2019 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu).

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động của cơ sở bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, Thông tư 07/2025/TT-BTNMT. Chuyển giao chất thải cho đơn vị có chức năng để thu gom, xử lý theo quy định.

3. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

5. Thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới.

6. Đền bù, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình thực hiện cơ sở theo quy định của pháp luật hiện hành.

7. Trước khi hết hạn giấy phép môi trường 06 tháng, gửi hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường theo quy định tại Điều 30 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP).